

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-PT
Ngày: 24/01/2019
V/v: “Kiện đòi tài sản là quyền
sử dụng đất và chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Hồng H

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLPT-DS ngày 06/12/2018 về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: B1901 Chung cư T, số 04 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Tấn Tr, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 40/4N, cư xá B, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 108/27B đường M, phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A23/3B1, ấp 1, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lý S, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: B1901 Chung cư T, số 04 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1972 (Có mặt).

Trú tại B1901 Chung cư T, số 04 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện theo giấy ủy quyền số 013757 quyền số 07-TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 08/5/2018 của Văn phòng Công chứng T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Ông Dương Văn C, sinh năm 1967 (Có mặt).

- Bà Dương Thị L, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện H, tỉnh Bình Phước.

Do ông Nguyễn Tấn C - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện H làm đại diện theo giấy ủy quyền số 14/UBND-GUQ ngày 14/5/2018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Năm 2015, mẹ của bà Nguyễn Thị Hồng Đ là bà Huỳnh Thị X vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện H 200.000.000 đồng nhưng do tuổi cao ngân hàng không cho vay tiếp nên bà X cho bà Đ đứng tên có toàn quyền quản lý, sử dụng và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và thờ cúng cha mẹ. Năm 2016, bà X cùng các anh chị em của bà Đ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản trên đất cho bà Đ. Do không có điều kiện quản lý nên bà Đ để ông Nguyễn Đăng Kh quản lý, khai thác hoa lợi trên đất. Khoảng tháng 7/2016, bà Đ muốn bán đất để trả nợ ngân hàng và mua đất xây nhà thờ cha mẹ nhưng ông Kh không chịu bán đất để bà Đ bán đất mà thách thức bà Đ.

Ngày 05/02/2018, bà Đ chuyển nhượng thửa đất cùng tài sản trên đất cho ông Dương Văn C và bà Dương Thị L với giá 950.000.000 đồng, ông C và bà L thanh toán cho bà Đ 750.000.000 đồng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/3/2018, còn lại 200.000.000 đồng hai bên thống nhất khi nào bà Đ giao đất thì ông C và bà L sẽ trả số tiền còn lại.

Do đó, bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Kh trả lại đất cùng toàn bộ tài sản trên đất cho ông C và bà L.

Ngoài ra, trong thời gian quản lý thửa đất ông Kh khai thác cao su quá mức, chặt phá cây xà cừ, bạch đàn trên đất nên bà Đ yêu cầu ông Kh bồi thường giá trị thiệt hại với số tiền 119.000.000 đồng nhưng sau đó bà Đ không yêu cầu bồi thường nữa.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2017, đơn phản tố 13/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Đăng Kh trình bày:

Năm 2001, ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng thửa đất 27.939 m² với giá 10.000.000 đồng nhưng ông X và bà X không có tiền mua nên nói với bà Nguyễn Thị Hồng H cùng mua, bà H bỏ 7.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng ông X và bà X trả dần. Do bà H ở xa nên để ông X, bà X đứng tên sở hữu và cho ông Kh canh tác để có thu nhập chăm lo cho ông X, bà X. Ngày 18/5/2012, bà Huỳnh Thị X làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất từ ông Nguyễn Văn T.

Tháng 02/2016, ông X chết trong khi bà X bị bệnh nan y, gia đình không có tiền điều trị cho bà X nhưng bà X không thể vay tiền Ngân hàng nên gia đình thống nhất để bà Đ đứng tên sở hữu quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Ngày 14/3/2016, tại Văn phòng công chứng B, gia đình bà X lập văn bản phân chia di sản thừa kế đối với di sản trên diện tích 27.939m² do ông Nguyễn Văn X để lại. Năm 2017, bà X chết và tháng 01/2018, bà Đ kêu bán đất.

Trước yêu cầu của bà Đ, ông Kh hoàn toàn không chấp nhận vì thửa đất trên là tài sản của bà H và bà X, ông X; ông Kh và các đồng thừa kế đồng ý cho bà Đ đứng tên sở hữu để bà Đ vay tiền lo cho bà X chứ không có phân chia di sản thừa kế cho bà Đ. Ông Kh yêu cầu Tòa án trừ phần tài sản của bà H là 70% thửa đất 27.939m², còn lại chia đều cho các đồng thừa kế của ông X, bà X là ông Kh, bà Đ, ông Nh, ông Tr, bà H và bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H là vợ của ông Kh, bà thống nhất với phần trình bày của ông Kh, ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Ngày 18/5/2012, bà Huỳnh Thị X mua của ông Nguyễn Văn T thửa đất 27.939 m² tại tổ 4, ấp 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước với giá 10.000.000 đồng, trong đó bà H góp cho bà X 7.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì bà H đưa tiền cho bà X và bà X nói để mua đất, sau đó ông T viết giấy xác nhận cho bà H. Vì vậy, bà H không đồng ý với yêu cầu của bà Đ mà yêu cầu Tòa án chia toàn bộ thửa đất 27.939m² cho các anh em trong gia đình.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Tr trình bày:

Năm 2002, ông Nguyễn Văn X và bà Huỳnh Thị X nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn Văn T (Út T), tới hạn trả tiền ông X, bà X không có

tiền nên chủ đất là ông T vào nhà đòi lấy lại đất để bán cho người khác nên ông X, bà X và ông Tr điện thoại kêu bà Đ mang tiền lên trả và ra Ủy ban nhân dân xã M làm giấy mua bán tay rồi bà Đ đưa giấy cho bà X giữ. Năm 2012, bà X làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên bà. Năm 2015, bà X vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H 200.000.000 đồng nhưng do tuổi cao không thể vay vốn đáo hạn nên bà X giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Đ. Năm 2016, bà X cùng tất cả anh chị em trong gia đình làm thủ tục giao toàn bộ tài sản cho bà Đ đứng tên, tất cả đồng ý và không ai được tranh chấp. Tháng 02 năm 2017 bà X chết, bà Đ nói với ông Kh đang sống và khai thác mỏ cao su lấy tiền trả lãi Ngân hàng nhưng ông Kh không thực hiện mà còn thách thức bà Đ, tháng 4 năm 2018 bà Đ nói ông Kh bán đất để trả nợ Ngân hàng và mua cho ông Kh 01 căn nhà nhưng ông Kh nhất quyết không chịu nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tr thống nhất với ý kiến của bà Đ vì trước đây bà Đ đã bỏ tiền ra mua đất, sau này gia đình thống nhất giao lại cho bà Đ nên ý kiến của ông Kh, bà H là không đúng.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành Nh trình bày:

Ngày 18/5/2012, bà Huỳnh Thị X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 27.939 m² của ông Nguyễn Văn T. Ngày 14/3/2016, tại Văn phòng công chứng B, gia đình lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do ông X để lại đối với thửa đất 27.939 m². Sau đó, do bà X lớn tuổi lại bệnh ung thư nặng không có khả năng đứng tên vay vốn ngân hàng nên các thành viên trong gia đình đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng hình thức lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để thuận lợi trong quá trình vay vốn. Thế nhưng, sau khi bà X chết thì bà Đ lợi dụng tín nhiệm sử dụng di sản thừa kế để vay vốn ngân hàng và bán tài sản để chiếm hữu riêng. Vì vậy, ông Nh không đồng ý với yêu cầu của bà Đ, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế cho tất cả người thừa kế của ông X, bà X là ông Nh, ông Tr, bà H, bà V, bà Đ và ông Kh.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 06/4/2018, ông Nh thống nhất với yêu cầu của bà Đ vì bà Đ đã bỏ tiền ra mua đất và sau này ông X, bà X giao cho bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ý kiến của bà H và ông Kh là không đúng.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Khoảng năm 2002, ông X và bà X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, trả được một nửa tiền thì ông X, bà X không có tiền trả nên bà X kêu bà Đ trả tiếp để lấy được thửa đất trên rồi bà X cho bà Đ đứng tên chủ quyền sử dụng đất, sau này do bà Đ toàn quyền quyết định. Ngày 14/3/2016, bà X và các con thống nhất cho bà Đ đứng tên. Vì vậy, bà V yêu cầu ông Kh trả lại đất cho bà Đ bán để trả nợ ngân hàng và mua nhà thờ ông X, bà X. Ý kiến của ông Kh, bà H là không đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn C và Dương Thị L thống nhất trình bày:

Ông C, bà L không quan hệ thân thích với ông Kh, bà Đ mà ông C, bà L có thửa đất sát với thửa đất của bà Đ tại tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Cuối năm 2017, ông C và bà L nghe tin bà Đ kêu bán thửa đất để trả nợ ngân hàng và bà Đ kêu ông bà mua, ông bà đồng ý mua với giá 950.000.000 đồng cho toàn bộ thửa đất (trong đó thửa đất trên đồi là 75.000.000 đồng và thửa đất 191 là 875.000.000 đồng), ông bà đưa trước 750.000.000 đồng để bà Đ lấy sổ đỏ về và tiến hành các hoạt động công chứng sang tên cho ông bà theo quy định của pháp luật, còn lại 200.000.000 đồng khi nào giao đất sẽ trả đủ. Ngày 15/3/2018, ông C và bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C và bà L yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Ranh thửa đất của bà Đ, ông Kh đang tranh chấp có lấn sang đất của ông bà là không lớn, các đương sự sử dụng ổn định và làm hàng rào từ lâu nên ông C, bà L Tòa án công nhận ranh thực tế cho các đương sự.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Hồng Đ diện tích 27.939m², sau khi thu hồi đất giao cho Trại giam T đã bồi thường cho chủ sử dụng, diện tích sử dụng còn lại đã biến động so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị chủ sử dụng đất liên hệ với Ủy ban nhân dân xã nơi có đất để làm hồ sơ đăng ký biến động.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2018, người làm chứng Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T không có quan hệ thân thích với ông Kh, bà Đ và các đương sự trong vụ án, ông chỉ là người chuyển nhượng cho ông X, bà X thửa đất mà ông Kh, bà Đ đang tranh chấp, cụ thể: Nguồn gốc thửa đất là do ông T nhận chuyển nhượng của ông Th vào năm 2002 với giá 3.000.000 đồng; sau đó ông T trồng tiêu, nhãn trên đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sang năm do điều kiện đi lại không thuận lợi nên ông chuyển nhượng cho ông X, bà X với giá 10.000.000 đồng, ông X trả 3.000.000 đồng tiền cọc, còn lại 7.000.000 đồng thì bà Đ trả cho ông T và cả hai cùng ra xã M để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà X.

Ông T không có lấy tiền của bà H, giấy xác nhận là do ông Kh viết nhưng khi ký ông T không đọc lại nên có sai sót, ông T khẳng định ông nhận 7.000.000 đồng của bà Đ và hai bên có ra xã M làm giấy mua bán. Việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X là do ông T nghĩ bà Đ là con bà X nên ông T ký giấy bán đất còn ai đứng tên mua thì ông T không quan tâm. Thửa đất của ông T có diện tích khoảng 27.000m² bị Trại giam T lấy một phần đất để làm

đập thủy lợi còn lại khoảng 1,5ha nhưng chưa được làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2018, người làm chứng Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T không có quan hệ thân thích với các đương sự trong vụ án và ông T là con trai của ông Nguyễn Văn T, được ông T cho đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 27.939m². Ông T không biết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T mà đến năm 2012, ông T kêu ông T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà X thì ông T đi ký chứ ông không biết gì khác. Khi ký hợp đồng thì chỉ có ông Nh và X.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với phần trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Giao cho ông Dương Văn C và bà Dương Thị L diện tích đất 17.672m² thuộc thửa đất số 191 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước với tứ cận Đông và Nam giáp suối, Bắc giáp đường đất, Tây giáp đất ông Dương Văn C và bà Dương Thị L (có sơ đồ đo đạc kèm theo) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: 01 căn nhà bán kiên cố diện tích 85,5m² kết cấu cột gỗ, mái tôn, nền gạch tàu, vách gỗ xẻ, 01 căn nhà tạm diện tích 18m² kết cấu cột gỗ, mái tôn, vách tre, nền gạch tàu; 400 cây cao su trồng năm 2004; 550 cây cao su trồng năm 2007; 01 cây mận trồng năm 2007; 03 cây dừa trồng năm 2010; 03 cây mít trồng năm 2007; 05 cây giáng hương đường kính từ 10 đến 20cm, 11 cây giáng hương đường kính từ 20 đến 30cm; 13 cây điều trồng năm 2003; 11 cây xà cừ đường kính 60cm; 01 cây trầm bông vàng đường kính 55cm.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc “*Bồi thường thiệt hại về tài sản*” của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc “*Chia di sản thừa kế*” của ông Nguyễn Đăng Kh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kh chia toàn bộ di sản thừa kế của ông X, bà X thành 6 phần cho 6 anh em gồm ông Kh, bà Đ, ông Nh, ông Tr, bà H và bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Ngày 14/3/2016, tại Văn phòng Công chứng B, tỉnh Bình Phước bà X và các con là bà Đ, ông Tr, ông Kh, ông Nh, bà H, bà V là các đồng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn X đã cùng thống nhất lập văn bản phân chia di sản thừa kế. Theo đó, tất cả 07 đồng thừa kế đồng ý nhượng lại kỷ phần thừa kế và phần tài sản của đồng sở hữu cá nhân bà X là thửa đất có diện tích 27.939m² và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Việc ký văn bản trên các đương sự tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Do vậy, văn bản này có hiệu lực pháp luật. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kh chia toàn bộ tài sản thừa kế của ông X, bà X thành 6 phần cho 6 anh em gồm ông Kh, bà Đ, ông Nh, ông Tr, bà H, bà V. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Ngày 14/3/2016, tại Văn phòng Công chứng B, tỉnh Bình Phước bà Huỳnh Thị X và các con là bà Nguyễn Thị Hồng Đ, ông Nguyễn Tấn Tr, ông Nguyễn Đăng Kh, ông Nguyễn Thành Nh, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Hồng V là các đồng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn X đã cùng thống nhất lập văn bản phân chia di sản thừa kế. Theo đó, tất cả 07 đồng thừa kế đồng ý nhượng lại kỷ phần thừa kế và phần tài sản của đồng sở hữu cá nhân bà X là thửa đất số 191, tờ bản đồ số 17 có diện tích 27.939m² tọa lạc tại tổ 04, ấp Đ, xã M, huyện H và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Văn bản này xác nhận tài sản trên là tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, các đồng sở hữu khác cam kết không khiếu nại. Khi ký kết văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế thì tất cả các đương sự là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối và cam đoan thực hiện đúng trong văn bản thỏa thuận cũng như công chứng viên đã giải thích rõ các quyền, nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc ký văn bản thỏa thuận nên các đương sự phải có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Như vậy, văn bản phân chia di sản thừa kế trên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản trên cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành chuyển quyền về tài sản đối với bà Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD781037 ngày 04/6/2016 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp. Do vậy, đây là tài sản riêng của bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác, do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Kh về việc yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Kh chia toàn bộ tài sản thừa kế của ông X, bà X thành 6 phần cho 6 anh em gồm ông Kh, bà Đ, ông Nh, ông Tr, bà H, bà V là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện nay, khối tài sản trên đã được bà Đ chuyển nhượng cho ông Dương Văn C, bà Dương Thị L, khi ông C, bà L thực hiện việc chuyển nhượng không biết tài sản có tranh chấp và ông C, bà L đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cần buộc ông Kh giao trả tài sản cho bà Đ để bà Đ giao cho ông C, bà L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK807687 ngày 15/3/2018 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Kh không được chấp nhận nên ông Kh phải chịu án phí theo quy định.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng Kh.

[I] Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào khoản 5 và khoản 9 Điều 26, các điều 35, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 217, 218, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 166, 167, 168, 169, 170, 179, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các điều 164, 166, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Kiến đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Giao cho ông Dương Văn C và bà Dương Thị L diện tích đất 17.672m² thuộc thửa đất số 191 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước với tứ cận Đông và Nam giáp suối, Bắc giáp đường đất, Tây giáp

đất ông Dương Văn C và bà Dương Thị L (có sơ đồ đo đạc kèm theo) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: 01 căn nhà bán kiên cố diện tích 85,5m² kết cấu cột gỗ, mái tôn, nền gạch tàu, vách gỗ xẻ, 01 căn nhà tạm diện tích 18m² kết cấu cột gỗ, mái tôn, vách tre, nền gạch tàu; 400 cây cao su trồng năm 2004; 550 cây cao su trồng năm 2007; 01 cây mận trồng năm 2007; 03 cây dừa trồng năm 2010; 03 cây mít trồng năm 2007; 05 cây giáng hương đường kính từ 10 đến 20cm, 11 cây giáng hương đường kính từ 20 đến 30cm; 13 cây điều trồng năm 2003; 11 cây xả cừ đường kính 60cm; 01 cây trầm bông vàng đường kính 55cm.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[2]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc “*Bồi thường thiệt hại về tài sản*” của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc “*Chia di sản thừa kế*” của ông Nguyễn Đăng Kh.

[II]. Về án phí và chi phí tố tụng khác.

[1] Án phí dân sự sơ thẩm

- Ông Nguyễn Đăng Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về kiện đòi tài sản và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch về yêu cầu chia thừa kế, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 833.333 đồng tạm ứng án phí ông Kh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên lai thu tiền số 0004591 ngày 15/3/2018. Trả cho ông Nguyễn Đăng Kh 233.333 đồng (Hai trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) còn lại.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ không phải chịu án phí, được trả lại số tiền 3.275.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên lai thu tiền số 0012409 ngày 13 tháng 11 năm 2017.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng Kh phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Kh đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004992 ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Đăng Kh phải chịu 9.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà Đ đã nộp tạm ứng nên ông Kh có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- CCTHA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TNV, TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

